TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 02 – 07 – 2025
"V/v Tranh chấp
Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quế Hương**.
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trung Du.**
Ông **Huỳnh Văn Hồng.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Kiều Minh Tiến** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huỳnh Lệ U** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2025/TLST – DS ngày 16 tháng 05 năm 2025 về "***Tranh chấp hợp đồng mua bán***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Tấn C**, sinh năm 1989 (có mặt).
Chị **Trần Thị T**, sinh năm: 1982 (có mặt).
Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Bị đơn:*** Chị **Nguyễn Minh T1**, sinh năm: 1978 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Tấn C và chị Trần Thị T trình bày:*

Từ tháng 02 đến tháng 07 năm 2024 thì anh C và chị T có nhiều lần bán Tắc cho chị T1, đến ngày 08/7/2024 thì giữa anh C, chị T và chị T1 có chốt số tiền mua bán Tắc, theo đó chị T1 còn nợ lại anh C, chị T số tiền 163.876.000đ và hẹn từ tháng 08/2024 mỗi tuần sẽ trả cho anh C, chị T số tiền là 3.000.000đ, đến tháng 10/2024 thì sẽ vay tiền Ngân hàng trả đủ cho anh C, chị T, nếu không vay được Ngân hàng thì vẫn trả tiền hàng tuần cho anh C, chị T. Tuy nhiên, đến nay chị T1 không có trả cho anh C, chị T được số tiền nào.

Nay anh C, chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 phải trả lại cho anh C, chị T số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán T2 là 163.876.000đ. Ngoài ra, anh C, chị T không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

** Tại bản khai ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Minh T1 trình bày*:

Trước đây chị T1 có nhiều lần mua Tắc của anh C và chị T. Đến ngày 08/7/2024 thì giữa chị T1 với anh C và chị T có tổng kết lại số tiền mua bán thì chị T1 còn nợ lại anh C, chị T số tiền là 163.876.000đ và hẹn từ tháng 08/2024 mỗi tuần chị T1 sẽ trả cho anh C, chị T số tiền là 3.000.000đ, đến tháng 10/2024 thì chị T1 sẽ vay tiền Ngân hàng trả đủ cho anh C, chị T, nếu chị T1 không vay được Ngân hàng thì vẫn trả tiền hàng tuần cho anh C, chị T. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ thì chị T1 gặp khó khăn nên không trả được nợ cho anh C và chị T.

Nay chị T1 đồng ý trả cho anh C và chị T số tiền nợ trong hợp đồng mua bán Tắc là 163.876.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) và xin trả dần mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, chị T1 không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của anh C và chị T là có căn cứ để chấp nhận bởi lẽ, chị T1 thừa nhận có nhiều lần mua Tắc của anh C và chị T, ngày 08/7/2024 thì chị T1 có viết biên nhận nợ cho anh C và chị T còn nợ lại số tiền là 163.876.000đ và có hẹn từ tháng 08/2024 mỗi tuần sẽ trả cho anh C, chị T số tiền là 3.000.000đ, đến tháng 10/2024 thì sẽ vay tiền Ngân hàng trả đủ cho anh C, chị T, nếu không vay được Ngân hàng thì vẫn trả tiền hàng tuần cho anh C, chị T. Tuy nhiên, chị T1 không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên anh C, chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 phải trả lại số tiền nợ là 163.876.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với ý kiến của chị T1 xin trả dần số tiền nợ cho anh C, chị T số tiền là 500.000đ/tháng cho đến khi hết nợ thì phía anh C và chị T không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí: Buộc chị T1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.193.800đ

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Anh Lê Tấn C và chị Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 –

Vĩnh Long) giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán giữa anh, chị với chị Nguyễn Minh T1. Theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long).

[2] Nguyên đơn anh C, chị T yêu cầu chị T1 phải trả lại số tiền nợ là 163.876.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Chị T1 đồng ý trả lại cho anh C, chị T số tiền là 163.876.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), nhưng chị T1 xin trả dần mỗi tháng trả 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi hết nợ.

[3] Xét thấy, anh C, chị T và chị T1 cùng thống nhất chị T1 còn nợ anh C và chị T số tiền mua Tắc là 163.876.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) nên anh C, chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 phải trả số tiền nợ này là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu xin trả dần của chị T1 thì anh C, chị T không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh C và chị T.

Buộc chị Nguyễn Minh T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Tấn C, chị Trần Thị T số tiền nợ trong hợp đồng mua bán là 163.876.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[6] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm:

- Buộc chị T1 phải nộp 163.876.000đ x 5% = 8.193.800đ, làm tròn 8.193.500đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Anh Lê Tấn C và chị Trần Thị T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 của Bộ Luật dân sự; Điều 3, khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp khu vực; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

***** *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Tấn C và chị Trần Thị T.

Buộc chị Nguyễn Minh T1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Lê Tấn C và chị Trần Thị T số tiền là 163.876.000đ (Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án

còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Minh T1 phải nộp 8.193.500đ (Tám triệu một trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lê Tấn C và chị Trần Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho anh Lê Tấn C và chị Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí là 4.097.000đ (Bốn triệu không trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0010143 ngày 16 tháng 05 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quế Hương